TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đăng Đán;

2. Ông Nguyễn Mạnh Diễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 03/6/2019, giữa các đương sự:

***. Nguyên đơn:** Chị Vương Thị T, sinh năm 1988, có mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

***. Bị đơn:** Anh Phùng Văn T, sinh năm 1985, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Vương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn T kết hôn ngày 06/02/2006, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, hai

bên chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ cuối năm 2013 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Đến cuối năm 2015, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên chị xin ly hôn anh Phùng Văn T;

- Về con chung: Chị và anh Phùng Văn T có 02 con chung là cháu Phùng Văn Q, sinh ngày 25/3/2007 và cháu Phùng Thị N, sinh ngày 07/02/2012. Hiện các cháu khỏe mạnh và đang ở với anh Phùng Văn T.

Ly hôn, chị nhất trí giao cả hai con chung cho anh Phùng Văn T nuôi dưỡng. Chị được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án (được thể hiện trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2019), bị đơn là anh Phùng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về điều kiện và thời gian chung sống với nhau như vợ chồng và kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên anh nhất trí ly hôn.

- Về nuôi con chung: Anh thừa nhận trình bày của nguyên đơn về con chung và điều kiện con chung, quyền và nghĩa vụ thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Ly hôn, anh xin được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành. Chị Vương Thị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhiều lần, nhưng anh Phùng Văn T không chấp hành, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+. *Về hôn nhân:* Cho chị Vương Thị T được ly hôn anh Phùng Văn T.

+. *Về nuôi con chung:* Giao cả 02 con chung là cháu Q và cháu N cho anh Phùng Văn T nuôi dưỡng. Chị Vương Thị T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

+. *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

+. *Về án phí:* Buộc chị Vương Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[*1. Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa mở lại hôm nay, bị đơn là anh Phùng Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. **]**

[*2. Về hôn nhân:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Vương Thị T và anh Phùng Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Phùng Văn T không chấp hành nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, chị Vương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn anh Phùng Văn T nhất trí ly hôn (được thể hiện trong bản tự khai và biên bản lấy lời khai); hơn nữa tại phiên tòa mở lại hôm nay, anh Phùng Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh Phùng Văn T nhằm gây khó khăn và thực sự không có thiện chí đoàn tụ.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị Vương Thị T được ly hôn anh Phùng Văn T là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. **]**

[*3. Về nuôi con chung:* Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên; căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của con; sự thỏa thuận và điều kiện nuôi con của hai bên, nên cần giao cháu Q và cháu N cho anh Phùng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Vương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật. **]**

[*4. Về chia tài sản:* Do các bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật. **]**

[*5. Về án phí:* Chị Vương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. **]**

[*6. Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. **]**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vương Thị T và anh Phùng Văn T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Phùng Văn Q, sinh ngày 25/3/2007 và cháu Phùng Thị N, sinh ngày 07/02/2012 cho anh Phùng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Vương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Cấp dưỡng nuôi con chung:* Không đề cập giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đề cập giải quyết.

**. Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Vương Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0001533 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình; chị Vương Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**. Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tuyến
(Đã ký)

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ